

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: **52** /2007/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

32

Đồng Xoài, ngày **18** tháng **10** năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

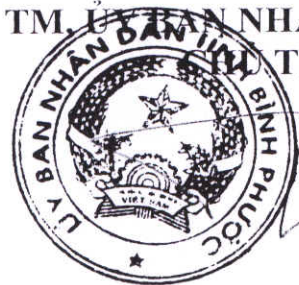
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài Chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ KH&CN;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ KH&CN);
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tư pháp, UBND các huyện, thị xã;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo;
- LĐVP, CV: VX, KT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
TỊCH



Nguyễn Tấn Hưng

QUY ĐỊNH

Về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số **52** /2007/QĐ-UBND ngày **18** / **10** /2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh:

1. Quy định này áp dụng đối với: các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước (dưới đây viết tắt là đề tài, dự án KH&CN); các hoạt động phục vụ công tác quản lý các đề tài, dự án KH&CN của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các định mức chi, lập dự toán khác của đề tài, dự án KH&CN không quy định cụ thể tại Quyết định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

**CHƯƠNG II:
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 2. Nội dung chi các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với đề tài, dự án KH&CN:

1. Chi công tác tư vấn: xác định đề tài, dự án KH&CN; tuyển chọn, xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì, xét duyệt thuyết minh đề tài, dự án KH&CN, bao gồm chi công lao động khoa học của các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các hồ sơ đề tài, dự án, thẩm định nội dung và tài chính của đề tài, dự án; chi họp các hội đồng tư vấn; chi phí đi lại, ăn ở của các chuyên gia ở xa được mời tham gia công tác tư vấn.

2. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu kết quả của đề tài dự án ở cấp quản lý đề tài, dự án, bao gồm chi công khảo nghiệm kết quả của các đề tài, dự án, chi công lao động của các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả của các đề tài, dự án; chi các cuộc họp của đoàn kiểm tra, tổ chuyên gia thẩm định, hội đồng đánh giá giữa kỳ (nếu có), hội đồng tư vấn đánh

giá nghiệm thu; chi phí đi lại, ăn ở của các chuyên gia ở xa được mời tham gia đánh giá giữa kỳ, đánh giá nghiệm thu.

3. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền đối với đề tài, dự án KH&CN.

Điều 3. Nội dung chi của các đề tài, dự án KH&CN:

1. Chi công lao động tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án, bao gồm:

- Chi công lao động của cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp tham gia thực hiện các đề tài, dự án KH&CN, như: nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu các quy trình công nghệ, giải pháp KH&CN, thiết kế, chế tạo thử nghiệm; nghiên cứu lý thuyết các luận cứ trong khoa học xã hội và nhân văn; thực hiện, theo dõi thí nghiệm, phân tích mẫu; điều tra khảo sát, thiết kế phiếu điều tra, điều tra xã hội học; xử lý, phân tích số liệu điều tra khảo sát, điều tra xã hội học; viết các phần mềm máy tính; báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án, báo cáo kiến nghị; chi hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ;

- Chi công lao động khác phục vụ triển khai đề tài, dự án.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, tạp chí tham khảo, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, tài liệu chuyên môn, các loại xuất bản phẩm, dụng cụ, bảo hộ lao động phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

- Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án;

- Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của đề tài, dự án.

- Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện đề tài, dự án theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

- Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của đề tài, dự án.

4. Các khoản chi về: công tác phí trong nước; đoàn ra, đoàn vào; hội nghị, hội thảo chung của đề tài, dự án; văn phòng phẩm, in ấn; dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài; quản lý chung của đơn vị chủ trì (bao gồm trả công lao động gián tiếp phục vụ triển khai đề tài, dự án, trả tiền điện nước, cước phí văn thư, điện thoại văn

phòng; tiền sử dụng phương tiện làm việc của cơ quan chủ trì, ...); nghiệm thu cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ, bao gồm cả nội dung chỉ cho chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu); đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại (nếu có) đối với sản phẩm của đề tài, dự án; một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến đề tài, dự án.

Điều 4. Phân định nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước:

1. Ngân sách nhà nước đầu tư vào các đề tài, dự án KH&CN thuộc hướng nghiên cứu trọng điểm được xác định trong chiến lược phát triển KH&CN; các đề tài, dự án KH&CN thuộc lĩnh vực nghiên cứu cơ bản hoặc nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, nghiên cứu chiến lược, chính sách và lĩnh vực công ích phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Đối với các đề tài, dự án KH&CN thuộc hướng KH&CN ưu tiên của tỉnh ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện đề tài, dự án theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các đề tài, dự án KH&CN thuộc hướng KH&CN nghiên cứu triển khai ứng dụng, phát triển công nghệ và các đề tài, dự án KH&CN thuộc các lĩnh vực khác, chủ yếu do tổ chức, cá nhân tự đầu tư kinh phí (theo hướng dẫn Bộ KH&CN).

Điều 5. Các khung định mức phân bổ ngân sách:

1. Các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN:

Đơn vị: 1000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	TTLT 44 mức tối đa	Đề tài, dự án cấp Tỉnh	Ghi chú (*)
1	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN				
1.1	Xây dựng đề bài được duyệt của đề tài, dự án để công bố.	Đề tài, dự án	1.500	1.050	
1.2	Họp Hội đồng xác định đề tài, dự án	Đề tài, dự án			
	- Chủ tịch Hội đồng		300	300	
	- Thành viên, thư ký khoa học		200	200	
	- Thư ký hành chính		150	150	
	- Đại biểu được mời tham dự		70	70	

2	Chi về tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì, xét duyệt đề cương				
2.1	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện				
	- Nhiệm vụ có tới 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	450	450	
	- Nhiệm vụ có từ 4 đến 6 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	400	400	
	- Nhiệm vụ có từ 07 hồ sơ đăng ký trở lên	01 Hồ sơ	360	360	
2.2	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng				
	- Nhiệm vụ có đến 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	300	300	
	- Nhiệm vụ có từ 4 đến 06 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	270	270	
	- Nhiệm vụ có từ 07 hồ sơ đăng ký trở lên	01 Hồ sơ	250	250	
2.3	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án, xét duyệt đề cương	Đề tài, dự án			
	- Chủ tịch Hội đồng		300	300	
	- Thành viên, thư ký khoa học		200	200	
	- Thư ký hành chính		150	150	
	- Đại biểu được mời tham dự		70	70	
3	Chi thẩm định tài chính của đề tài, dự án				
	- Tổ trưởng tổ thẩm định	Đề tài, dự án	250	250	
	- Thành viên tham gia thẩm định	Đề tài, dự án	200	200	
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức ở cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN				
4.1	Nhận xét đánh giá				
	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện	đề tài, dự án	1.000	1.000	
	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	đề tài, dự án	600	600	
4.2	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý.	Báo cáo	1.000	1.000	

	(Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia cho 01 đề tài hoặc 01 dự án).				
4.3	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)	Đề tài, dự án			
	- Tổ trưởng		250	250	
	- Thành viên		200	200	
	- Đại biểu được mời tham dự		70	70	
4.4	Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức	Đề tài, dự án			
	- Chủ tịch Hội đồng		400	400	
	- Thành viên, thư ký khoa học		300	300	
	- Thư ký hành chính		150	150	
	- Đại biểu được mời tham dự		70	70	

2. Đối với các hoạt động thực hiện đề tài, dự án KH&CN:

Đơn vị: 1000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	TTLT 44 mức tối đa	Đề tài, dự án cấp Tỉnh	Ghi chú (*)
1	Xây dựng thuyết minh chi tiết được duyệt	Đề tài, dự án	2.000	1.400	
2	Chuyên đề nghiên cứu xây dựng quy trình KH&CN và khoa học tự nhiên (chuyên đề xây dựng theo sản phẩm của đề tài, dự án)	Chuyên đề			
	- Chuyên đề loại 1		10.000	7.000	
	- Chuyên đề loại 2		30.000	21.000	
3	Chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực KH&XH và nhân văn	Chuyên đề			
	- Chuyên đề loại 1		8.000	5.600	
	- Chuyên đề loại 2		12.000	8.400	
4	Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài, dự án	Báo cáo	3.000	2.100	

5	Lập mẫu phiếu điều tra: - Trong nghiên cứu KHCN - Trong nghiên cứu KHXXH và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu	Phiếu mẫu được duyệt	500 500 1.000	350 350 700
6	Cung cấp thông tin : - Trong nghiên cứu KHCN - Trong nghiên cứu KHXXH và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu + Công kỹ thuật	Phiếu	50 50 70	40 40 50 140
7	Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra	Đề tài, dự án	4.000	2.800
8	Báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)	Đề tài, dự án	12.000	8.400
9	Tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ)			
9.1	Nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện	Đề tài, dự án	800	800
	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	Đề tài, dự án	500	500
9.2	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia cho 01 đề tài hoặc 01 dự án).	Báo cáo	800	800
9.3	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)	Đề tài, dự án		
	- Tổ trưởng		200	200
	- Thành viên		150	150
	- Đại biểu được mời tham dự		70	70

9.4	Hội đồng đánh giá nghiệm thu (nội bộ)	Đề tài, dự án			
	- Chủ tịch Hội đồng		200	200	
	- Thành viên, thư ký khoa học		150	150	
	- Thư ký hành chính		100	100	
	- Đại biểu được mời tham dự		70	70	
10	Hội thảo khoa học	Buổi hội thảo			
	- Người chủ trì		200	200	
	- Thư ký hội thảo		100	100	
	- Báo cáo tham luận theo đặt hàng		500	500	
	- Đại biểu được mời tham dự		70	70	
11	Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án	Tháng	1.000	700	
12	Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (trong đó có chi thù lao trách nhiệm cho Thư ký và kế toán của đề tài, dự án theo mức do chủ nhiệm đề tài quyết định).	Năm	15.000	10.500	

(*) Ghi chú:

- Đối với các đề tài, dự án KH&CN: Các định mức chi tại quy định này là cơ sở thống nhất để xây dựng, phân bổ dự toán chi ngân sách và định hướng chi đối với các đề tài, dự án KH&CN; khi tiến hành chi và kiểm soát chi thực hiện theo quy định về chế độ khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án quy định tại Thông tư liên tịch 93/2006/TTLT /BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền: Các định mức quy định tại Quyết định này là định mức chi tối đa.

**CHƯƠNG III:
LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT KINH PHÍ**

Điều 6. Xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN:

Sở KH&CN căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét chọn, xét duyệt các đề tài, dự án KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có),

đánh giá nghiệm thu đối với các đề tài, dự án KH&CN trong năm và khung định mức chi theo quy định này để xây dựng dự toán và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của Sở Khoa học và Công nghệ cùng với thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Xây dựng dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN:

1. Căn cứ :

- Các nội dung nghiên cứu, khối lượng công việc cần triển khai để đạt được mục tiêu và sản phẩm của đề tài, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành, các khung định mức phân bổ ngân sách theo quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu:

- Dự toán kinh phí của đề tài, dự án được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các sản phẩm cụ thể của đề tài, dự án.

- Cá nhân được giao chủ trì nhiệm vụ, đơn vị chủ trì có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN xem xét phê duyệt.

Điều 8. Thẩm tra và phê duyệt dự toán của đề tài, dự án KH&CN:

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN chịu trách nhiệm thành lập tổ thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN, gồm: các thành viên: Sở Tài chính, Sở KH&CN, Văn phòng UBND tỉnh, các chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực KH&CN của đề tài, dự án KH&CN, các chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính và các nhà doanh nghiệp có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực liên quan đến đề tài, dự án KH&CN cần thẩm định.

2. Tổ thẩm định căn cứ vào kết quả làm việc của Hội đồng xét duyệt thuyết minh đề tài, dự án KH&CN thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN căn cứ vào Biên bản họp xét duyệt nội dung và thẩm định dự toán kinh phí phê duyệt triển khai đề tài, dự án KH&CN).

Điều 9. Giao dự toán và quyết toán kinh phí:

1. Giao dự toán:

- Dự toán chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN: giao dự toán về các đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động này.

- Dự toán chi thực hiện đề tài, dự án KH&CN: giao dự toán về các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

2. Về quyết toán kinh phí: thực hiện theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 10. Kinh phí của đề tài, dự án phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, không chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án.

Điều 11. Sử dụng các sản phẩm, xử lý tài sản được mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước của đề tài, dự án khi kết thúc và thu hồi kinh phí đối với các dự án KH&CN được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Đối với các đề tài, dự án KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt triển khai đề tài, dự án.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính, Sở KH&CN để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh giải quyết./.



Nguyễn Tấn Hưng

